

Triết lý đạo gắn với đời của Phật giáo Việt Nam

Nguyễn Đức Diện *

Tóm tắt: Phật giáo du nhập vào mỗi nước đều qua sự tiếp thu, sáng tạo khác nhau để mang cái thần thái riêng của mỗi dân tộc. Từ khi du nhập vào nước ta, Phật giáo đã nhanh chóng kết hợp với tín ngưỡng bản địa tạo nên một sức sống mới. Với triết lý từ bi, bình đẳng, cứu khổ, cứu nạn, Phật giáo đã nhanh chóng được nhiều người Việt Nam ngưỡng mộ, tin theo. Hầu hết những người này tự nguyện đến với Phật giáo, lấy giáo lý từ bi để tu luyện mình và giúp đỡ người khác. Những nhà sư, các tín đồ Phật giáo đã thực sự tham gia vào cuộc vận động, đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc. Trong cuộc đấu tranh ấy, ý thức dân tộc đã gắn bó chặt chẽ với ý thức đạo của các Phật tử.

Từ khóa: Phật giáo; đạo; đời; Việt Nam.

1. Mở đầu

Phật giáo vào nước ta từ đầu Công nguyên (CN) và tồn tại đến ngày nay. Trong thời gian ấy, Phật giáo đã trải qua nhiều chuyển biến, thăng trầm: từ ngoại lai đến bản địa, từ một vùng đến nhiều vùng, từ ít người tin theo đến đa số người ngưỡng mộ, từ thô sơ đơn giản đến sâu sắc, bề thế. Suốt quá trình tồn tại và phát triển, Phật giáo đã để lại nhiều dấu ấn trong đời sống dân tộc, từ tín ngưỡng đến phong tục, tập quán, từ thế giới quan đến nhân sinh quan, từ tư tưởng đến tình cảm. Nhiều vấn đề của lịch sử văn hoá dân tộc, của lịch sử tư tưởng sẽ không được sáng tỏ nếu không hiểu được lịch sử Phật giáo Việt Nam. Bài viết chỉ ra triết lý đạo gắn với đời của Phật giáo Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

2. Triết lý đạo gắn với đời

Phật giáo vào Việt Nam qua hai con đường: thuỷ và bộ. Công lao đầu tiên truyền bá Phật giáo vào nước ta trước hết thuộc về

các nhà sư Ấn Độ, một số người Trung Á, Trung Quốc, trong đó có sự đóng góp nhiều mặt của các nhà sư Việt Nam. Trong quá trình tồn tại và phát triển, Phật giáo Việt Nam đã trải qua bốn giai đoạn với những đặc thù riêng:

Thứ nhất, giai đoạn từ đầu CN đến hết thời Bắc thuộc. Đây là giai đoạn hình thành và phát triển rộng khắp của Phật giáo. Cuối thời Bắc thuộc, Phật giáo đã lan rộng khắp mọi miền của xứ An Nam đô hộ phủ (tức nước ta ngày ấy). Trong dân tộc đã xuất hiện một tầng lớp cao tăng. Những người này sang Ấn Độ, xuống Nam Dương, Trung Quốc học tập, hiểu rộng biết nhiều, kiêm thông ngôn ngữ Hán - Phạn, họ là những trí thức đương thời. Hầu hết những người này tự nguyện đến với đạo Phật, lấy giáo lý từ bi để tu luyện mình và giúp đỡ người khác. Trong số đó cũng có người như Lý Phật Tử

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.

ĐT: 0983241308. Email: ducdien_nguyen@yahoo.com.

đã lấy danh nghĩa Phật tử tập hợp quần chúng chống lại sự áp bức của bọn phong kiến phương Bắc. Những nhà sư, các tín đồ đạo Phật này đã thực sự tham gia vào cuộc vận động, đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc. Trong cuộc đấu tranh ấy, ý thức dân tộc đã gắn bó chặt chẽ với ý thức đạo của các Phật tử.

Thứ hai, giai đoạn nhà nước Đại Việt. Đây là thời kỳ lịch sử đặc biệt, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau giữa chế độ phong kiến tự chủ và Phật giáo đã in đậm trong các sinh hoạt xã hội. Thời đại này các thiền sư, những triết gia hoà đạo vào đời, tham gia chính trị, góp phần tạo nên ý chí kiên cường, bất khuất cho dân tộc. Nguyên nhân làm nên thời đại oanh liệt và phát triển khởi sắc ấy có nhiều, song chủ yếu thuộc về sự kết hợp sáng tạo giữa tư tưởng yêu nước, tinh thần dân tộc với tư tưởng Phật giáo. Những người Việt Nam đầu tiên đến với Phật giáo hầu hết là nhà buôn, song hiểu khá kỹ về giáo lý của đạo lại là trí thức đương thời. Sở dĩ có hiện tượng ấy là do bản thân Phật giáo, ngoài phần lễ nghi, còn là một hệ thống lý luận triết học rất sâu sắc, trừu tượng.

Trong bối cảnh dân tộc bị bọn phong kiến phương Bắc áp bức thống trị, việc một bộ phận giai cấp này đứng trên lập trường Nho giáo để phê phán, bài trừ Phật giáo là tất yếu. Song, không phải vì thế Phật giáo mất đi, trái lại, nó lặng lẽ thâm dần vào đời sống tinh thần của mỗi con người ở mức độ khác nhau. Đối với con người nói chung, khi còn bị gánh nặng của sự áp bức giai cấp, thì về mặt tinh thần họ phải tìm đến một đạo nào đó là tất yếu. Nói về quá trình diễn biến tư tưởng của xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc, tác giả *Lịch sử tư tưởng*

Việt Nam viết: “Lúc gặp thời thì dựa vào đạo Nho, lúc thất thế thì dựa vào đạo Lão - Trang, lúc éo le khốn khó thì dựa vào đạo Phật” [3, tr.93].

Trong khi Phật giáo toả rộng và thâm dần vào đời sống nhân dân, thì giữa triều đình, Phật giáo được công nhận như một tôn giáo chính thức. Đinh Tiên Hoàng sau khi lên ngôi vua năm 971 đã quy định các cấp bậc tăng đạo, đồng thời với các cấp bậc văn võ. Sư Ngô Chân Lưu giữ chức Tăng thống (quan đứng đầu Phật giáo) và được ban hiệu là Khuông Việt đại sư. Nhiều nhà sư trở thành cố vấn cho các ông vua về đường lối đối nội và đối ngoại. Các nhà sư này tuy không trực tiếp tham gia vào bộ máy hành chính nhưng có ảnh hưởng lớn đối với nhà nước phong kiến. Một số thiền sư như Maha, Sùng Phạm, Vạn Hạnh nhiều lần được vua Lê Đại Hành mời vào cung để hỏi ý kiến về việc đạo cũng như việc đời.

Một đặc điểm khác cũng cần chú ý là, từ khi du nhập vào nước ta, Phật giáo đã nhanh chóng kết hợp với tín ngưỡng bản địa tạo nên một sức sống mới. Ảnh hưởng qua lại lẫn nhau giữa chế độ phong kiến tự chủ và Phật giáo đã in đậm trong các sinh hoạt xã hội. Một thời đại mà các thiền sư, những triết gia hoà đạo vào đời, tham gia chính trị, góp phần tạo nên ý chí kiên cường, bất khuất cho dân tộc.

Lý Công Uẩn, người mở đầu triều đại Lý đã trưởng thành từ trong nhà chùa và trong cuộc vận động lên ngôi, đã được sự ủng hộ nhiệt tình của giới Phật tử. Tinh thần ngưỡng mộ Phật giáo thời Lý không chỉ biểu hiện qua các sinh hoạt Phật giáo mà còn là một đặc điểm của văn hoá.

Kế thừa những thành tựu văn hoá trong đó có Phật giáo do nhà Lý xây dựng hơn

hai thế kỷ, nhà Trần còn tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển. Các vua Trần mặc dù ngưỡng mộ Phật giáo nhưng vẫn nhìn thấy dân vừa là cơ sở, vừa là gốc để giải quyết việc đời cũng như việc đạo. Tác giả *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* viết: “Tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc, mà sau này chúng ta thấy biểu hiện trong những lời nói của Trần Nhân Tông, của Trần Hưng Đạo, thì đã gặp trong lời quốc sư Trúc Lâm dạy Trần Thái Tông năm 1236” [1, tr.478].

Trần Thái Tông là vị vua tiêu biểu của sự kế thừa, vận dụng tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc trong sự nghiệp của mình. Trong *Khoá hư lục*, Trần Thái Tông viết: “Phàm người làm vua, lấy ý muốn của thiên hạ làm muốn của mình, lấy lòng của thiên hạ làm lòng của mình” [2, tr.114]. Nhận thức đầy đủ vai trò của dân trong sự nghiệp đời, đạo, nhà Trần đã tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển. Phật giáo thời Trần đã phát triển trong sự dung hoà với Nho giáo.

Nhà nước phong kiến do thấy rõ vai trò, ảnh hưởng của Phật giáo trên các mặt của đời sống xã hội, nên đã sử dụng Phật giáo để giải quyết một số nhu cầu thời đại đặt ra. Tác giả *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* viết: “Phật giáo là một yếu tố quan trọng trong kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến nửa đầu thế kỷ XIV. Nó đã đáp ứng được nhu cầu củng cố địa vị của giai cấp phong kiến Việt Nam, đã được giai cấp phong kiến Việt Nam sử dụng để thu phục nhân dân và ổn định trật tự xã hội. Và chẳng, đó cũng là công việc không thể thiếu được trong những bước đi đầu tiên của công cuộc dựng nước và giữ nước” [3, tr.219].

Trong khi Nho giáo còn chưa đủ mạnh, thì những sư tăng của nhà chùa lại giữ vai trò là những trí thức của thời đại. Những sư

tăng này không chỉ uyên thâm về đạo, mà còn có vai trò to lớn trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tuy trong xã hội phong kiến lúc này vẫn bị chi phối bởi quan hệ đẳng cấp, song nhìn chung giữa vua quan với nhân dân, sự cách biệt còn chưa đến nỗi gay gắt. Vì thế, việc vua Trần triệu tập hội nghị Diên Hồng để cùng với các nhà kỳ lão bàn việc chống giặc ngoại xâm đã được quần chúng nhân dân ủng hộ. Điều đó chứng tỏ, xây dựng nhà nước luôn luôn cần đến sự đoàn kết, đồng tâm hiệp lực của toàn dân. Trên nền tảng của quan hệ xã hội ấy, nhà Trần đã phát huy được sức mạnh toàn dân trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Trong *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nguyễn Tài Thư viết: “Các nhà thiền học uyên thâm như Thái Tông, Tuệ Trung, Thánh Tông, Nhân Tông, vào lúc vận nước nguy nan, đều trở nên những anh hùng lập nhiều chiến công hiển hách. Phật giáo thế kỷ XIII cũng vì thế mà trong sạch hơn và nhập thế hơn. Có thể nói, tinh thần dân tộc đã thổi một luồng sinh khí mới vào Phật giáo thời Trần” [1, tr.215].

Trần Thái Tông không chỉ nhìn thấy vai trò, ảnh hưởng của các đạo đối với xã hội phong kiến đương thời, mà còn tìm cách chỉ cho mọi người thấy tác dụng của ba đạo ấy. Trong *Khoá hư lục*, Trần Thái Tông viết: “Chưa rõ thì chia làm ba giáo, hiểu rồi thì cùng ngộ một tâm” (Chưa minh người rồi chia ba đạo, biết hết được cùng có một lòng) [2, tr.43].

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá dân tộc, văn hoá Phật giáo, Nho giáo, Trần Thái Tông đã xây dựng được một hệ thống lý luận triết học Thiền khá hoàn chỉnh, làm cơ sở cho sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm. Một trong số những

đại biểu ấy là Tuệ Trung (1230 - 1291). Cùng với Trần Thái Tông, Tuệ Trung đã đặt nền tảng tư tưởng cho sự ra đời của phái Thiền Việt Nam. Phái Trúc Lâm ra đời đã đáp ứng được nhu cầu của nhà nước Đại Việt thời kỳ đó. Phái này mở đầu và xây dựng một Giáo hội thống nhất hoàn toàn Việt Nam, dứt bỏ các truyền thừa cũ có nguồn gốc từ bên ngoài. Sự ra đời của phái thiền Trúc Lâm vừa biểu hiện của sự ý thức dân tộc, vừa chứng minh cho sự thịnh vượng của văn hoá Đại Việt trong đó có Phật giáo. Những tư tưởng của Tuệ Trung đã góp phần làm cho Phật giáo thời Trần phát triển có sắc thái riêng, khác hẳn Phật giáo Ấn Độ - Trung Hoa.

Có thể nói, trong nhiều thế kỷ (từ thời Đinh, Lê, Lý - Trần), Phật giáo là một yếu tố hợp thành nền văn hoá - tư tưởng của dân tộc Việt Nam. Quá trình đấu tranh giải phóng khỏi ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc, cũng như trong xây dựng nhà nước độc lập tự chủ, giai cấp phong kiến Việt Nam đã thấy được vai trò của Phật giáo trong lịch sử tư tưởng dân tộc. Do đó, Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ và để lại nhiều dấu ấn trên các mặt văn hoá tinh thần của đất nước.

Sự ra đời, phát triển của triết lý đạo hòa quyền với đời bắt nguồn từ thực tiễn xã hội, những đòi hỏi của lịch sử tư tưởng dân tộc. Nó đã phản ánh một cách khách quan thời kỳ lịch sử ấy: oanh liệt trong chống giặc ngoại xâm, rục rịch trong phát triển kinh tế. Triết lý ấy là hình thức biểu hiện trực tiếp của chủ nghĩa yêu nước, nhưng được chuyển hoá sang một hình thức khác (triết lý đạo) mềm dẻo hơn cho phù hợp với hoàn cảnh và con người. Triết lý ấy vừa phản ánh khát vọng độc lập, tự chủ, vừa phản ánh ý

thức tự lực, tự cường của dân tộc, nhưng vẫn đảm bảo nội dung tư tưởng của thời đại. Nói cách khác, triết lý đạo hòa quyền với đời đã đáp ứng phần nào những đòi hỏi của thời đại, đồng thời góp phần vào việc xây dựng nền văn hiến dân tộc. Vì vậy, trong kỷ yếu Hội thảo *Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền tông Việt Nam* đã viết: “Trong khi Trung Quốc cấm cúi lo chuyện kỷ cương tôn ty trật tự ở mặt đất, Ấn Độ mãi ngược nhìn trời suy tư về sắc không và bàn chuyện luân hồi giải thoát, thì Việt Nam mình lo bảo nhau bám chắc lấy hiện tại hôm nay rồi từng bước vững tiến về tương lai - Không ngừng tăng cường tinh thần “học tập đội bạn” nhưng tuyệt đối không sao chép, không rập khuôn. Thuyền mình mình lái, đường mình mình đi. Sao chép, rập khuôn thường dẫn đến sai lầm hoặc thất bại đau đớn” [4, tr.43].

Thứ ba, giai đoạn từ thời Lê đến cuối thế kỷ XIX, Phật giáo suy thoái, do nhà Lê tuyên bố lấy Nho giáo làm quốc giáo. Tuy nhiên, từ đầu thế kỷ XX đến nay Phật giáo tiếp tục phục hưng. Đứng trước trào lưu Âu hóa và những biến động do giao lưu với phương Tây, phong trào chấn hưng Phật giáo được đẩy lên, khởi đầu từ các đô thị miền Nam. Vào những năm 30 của thế kỷ XX, các hội Phật giáo ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ lần lượt ra đời với những cơ quan ngôn luận riêng.

3. Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ toàn cầu hóa

Phật giáo là một tôn giáo vốn khu biệt với các tôn giáo khác ở đặc trưng xuất thế, không quan tâm đến thời cuộc, không nhiễm bụi trần, nhưng khi du nhập vào nước ta Phật giáo lại gắn liền với thế giới trần tục. Các Tăng ni, Phật tử đã kết hợp

giáo lý của mình với nhu cầu của đời sống hiện thực, ra sức thực hành triết lý: từ bi, cứu khổ, cứu nạn... Người Việt Nam coi trọng sống phúc đức, trung thực hơn là đi chùa, giác ngộ ngay tại thế gian, không thoát ly trần tục: “Thứ nhất là tu tại gia/ Thứ nhì tu chợ/ thứ ba tu chùa”, “Dù xây chín cấp phù đồ/ Không bằng làm phúc cứu cho một người” (ca dao). Coi trọng truyền thống thờ cha mẹ, ông bà hơn là thờ Phật: “tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu” (ca dao), “Phật trong nhà không thờ, đi thờ Thích ca ngoài đường” (tục ngữ).

Hiện nay, hoạt động của Phật giáo nước ta không chỉ bó hẹp trong việc thờ cúng hoặc nghi lễ tôn giáo mà tập trung vào các hoạt động phục vụ xã hội. Các Phật tử đặc biệt chú trọng vào vấn đề môi trường sinh thái, luân lý, nhân quyền và giáo dục, giúp đỡ người nghèo... Trong quá trình tham gia vào thực tiễn xã hội, các Phật tử đã có nhiều hoạt động thiết thực phục vụ cộng đồng.

Phát huy bản sắc đạo gắn chặt với đời của Phật giáo Việt Nam, các thiền sư ngày càng đảm nhận nhiều hơn việc lo nơi ăn chốn ở cho những người vô gia cư, những người nằm ngoài tầm quan tâm của Nhà nước, giúp đỡ những người nghèo bị tai nạn giao thông, chăm sóc người già cô đơn và trẻ mồ côi... Ở Việt Nam có rất nhiều chùa là nơi nhận nuôi các cháu nhỏ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc gia đình nghèo khó. Đại đức Thích Thanh Hoà (xã Đại Cường, Kim Bảng, Hà Nam) cho biết: “Từ năm 1996 đến nay đã nuôi được 21 em, trong đó có 7 em hiện đang theo học các trường đại học, cao đẳng như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Trường Cao đẳng Bách Khoa, Trường Đại học Lâm

ng nghiệp, trường Đại học Thủy Sản, Trường Đại học An ninh” [5, tr.13].

4. Kết luận

Phật giáo là một tôn giáo xuất thế, khi du nhập vào Việt Nam đã được người Việt Nam cải biến để trở thành một tôn giáo nhập thế. Trong suốt chiều dài lịch sử, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, hòa đạo với đời làm nên những chiến công hiển hách, tạo bản sắc riêng. “Có lẽ trên hành tinh này không nơi nào có một dân tộc như dân tộc Việt Nam ta tới 90% dân số đi theo đạo Phật mà sống và tu tập và hành động chẳng giống giáo lý của đạo Phật, thiền Trung Hoa, thiền Nhật Bản và cả giáo lý của đạo Phật nguyên thủy Ấn Độ. Có dân tộc nào theo Phật giáo mà lại đánh giặc giết giặc liên tục hết đời nọ đến đời kia như dân tộc ta. Đúng là có một đạo Phật Việt Nam mà chúng ta cần thảo luận, cần nghiên cứu để thấy rõ bản chất và các đặc điểm” [4, tr.14]. Triết lý của Phật giáo Việt Nam là sự khẳng định chân lý đạo gắn với đời, giác ngộ không thoát ly thế giới trần tục. Triết lý ấy đã góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo Gia đình và Xã hội (2006), số 179, ngày 9/11.
- [2] Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Trần Thái Tông (1974), *Khoá hư lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Viện Nghiên cứu khoa học xã hội Tp. Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Sở Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh (1993), *Tuệ Trung Thượng Sĩ với Thiền tông Việt Nam*, Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm.

